ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH

Tên ngành: TOÁN KINH TẾ

Mã ngành: 7310108

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT

Số: 1096/QĐ-ĐHKTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ/TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc phê duyệt chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý (chương trình Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo) của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc phê duyệt chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Toán Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý (chương trình Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo) và ngành Toán kinh tế (chương trình Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính).

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT

Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số.....1096.ngày..24.tháng.08..năm..2020.. của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)

- **Tên chương trình:** Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính chất lượng cao (Applied Mathematics in Economics, Management and Finance – High Quality)
- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Toán kinh tế
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung
- **Mã ngành đào tạo:** 7310108
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân Kinh Tế, ngành Toán Kinh Tế
- **Chủ nhiệm ngành:** TS. Phạm Hoàng Uyên

1. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo chất lượng cao

1.1. Cơ sở pháp lý

- Công văn số 8470/BTC-HCSN ngày 28/06/2011 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công" trong lĩnh vực Giáo dục đại học;

- Công văn số 5746/BGDĐT-GDĐH ngày 29/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh đào tạo chất lượng cao;

- Công văn số 104/ĐHQG-KHTC ngày 06/2/2012 của ĐHQG-HCM về việchướng dẫn đăng ký Chương trình chất lượng cao;

- Quyết định số 287/QĐ-ĐHQG-KHTC ngày 13/04/2012 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Bộ tiêu chuẩn phê duyệt Chương trình đào tạo chất lượng cao với học phí tương ứng.

- Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/ 07/ 2014 của Bộ giáo dục đào tạo về việc ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

- Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG ngày 24/02/2017 của ĐHQG-HCM về việc ban hành quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của ĐHQG-HCM;

- Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/4/2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế đào tạo đại học.

- Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế Đào tạo Đại học;

- Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế Đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy.

1.2. Cơ sở Khoa học thực tiễn

Đề án đào tạo cử nhân Chương trình chất lượng cao với học phí tương ứng ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính của Khoa Toán Kinh Tế, trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn sau:

Kinh nghiệm xây dựng và thực hiện Chương trình đào tạo cử nhân đã và đang triển khai thực hiện tại các Khoa của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Toán kinh tế được xây dựng dựa trên việc kế thừa các Chương trình đào tạo chất lượng cao đã được phê duyệt tại trường Đại học Kinh Tế - Luật trong thời gian qua. Khoa Toán Kinh Tế vững tin có đầy đủ kinh nghiệm, kiến thức và nguồn lực để xây dựng, điều hành và phát triển một chương trình đào tạo chất lượng cao cho ngành Toán Kinh Tế.

Trên cơ sở thiết kế và xây dựng chương trình theo hướng giáo dục 4.0 trên nền tảng CDIO hiện đại tại trường Đại học Kinh Tế - Luật. Căn cứ vào các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới và khảo sát rất kỹ lưỡng tình hình thực tế tại các doanh nghiệp Việt Nam.

ĐHQG-HCM cũng đã thực hiện đánh giá ngoài nội bộ cơ sở đào tạo trường Đại học Kinh tế - Luật theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hầu hết các tiêu chí của tiêu chuẩn: chương trình giáo dục; hoạt động đào tạo; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; người học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác đều được đánh giá đạt.

Trong sự phát triển chung của trường Đại học Kinh Tế - Luật, Khoa Toán Kinh Tế được Ban Giám Hiệu Trường khuyến khích và ủng hộ rất nhiều trong việc mở ngành đào tạo Toán Kinh Tế trong năm đầu năm 2018 và tuyển sinh cho năm học 2018 -2019, đến năm 2020 đã tuyển sinh được 2 khóa K18 và K19 với tổng sinh viên là 101 sinh viên. Trường cũng đã tập trung đào tạo cán bộ giảng viên giảng dạy theo CDIO, tăng cường tuyển dụng giảng viên có học vị cao và có chuyên ngành liên quan. Điểm chuẩn của ngành Toán Kinh tế tăng mạnh với số điểm chênh lệch là 4,1 từ năm 2018 qua 2019 và luôn cao hơn mức điểm trung bình chung của Trường.

Trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình của mạng lưới các Trường Đại học khu vực Đông Nam Á (AUN-QA), Trường Đại học Kinh tế - Luật đã thực hiện đánh giá nội bộ, đánh giá ngoài nội bộ ĐHQG-HCM đối với 8 chương trình giáo dục của Trường theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA.. Qua đó có thêm kinh nghiệm để đánh giá và cải tiến tiêu chuẩn cho Chương trình chất lượng cao ngành Toán Kinh Tế.

Ngành đào tạo Toán Kinh Tế nhận được sự quan tâm rộng rãi và sâu sắc của chính phủ và xã hội, nhu cầu đào tạo và nhân lực trong các ngành này ngày càng tăng theo xu thế phát triển của nền kinh tế. Hơn nữa, hòa mình cùng sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Khoa Toán Kinh tế có cơ hội tham gia trong đề án giáo dục 4.0 của Đại học quốc gia nên được đầu tư nhiều về đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, ứng dụng giảng dạy E-Learning cấp độ 2...và có nhiều trải nghiệm và mô hình giáo dục công nghệ muốn được triển khai mạnh trong chương trình Toán kinh tế Chất lượng cao.

Bên cạnh đó, hội nhập ASEAN, WTO… dẫn đến nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Toán Kinh Tế cả về kiến thức chuyên môn lẫn khả năng ngoại ngữ là vô cùng cần thiết và cấp bách để có thể làm việc tại các nước trong khu vực và thế giới. Vì vậy, người học và phụ huynh sẽ chấp nhận đóng học phí cao hơn để được học các chương trình chất lượng cao với mô hình lớp nhỏ nhằm mở rộng cơ hội học tập lên cao, tìm việc làm có uy tín và có được mức thu nhập vượt trội trong tương lai.

1.3. Khảo sát, đánh giá về nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao

Việt Nam đang phát triển mô hình xã hội chủ nghĩa theo định hướng kinh tế thị trường, với sự tham gia và điều tiết của chính phủ, và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong vài thập kỷ qua. Do đó, các hoạt động quản trị tài chính trong mọi tổ chức kinh tế cần được nghiên cứu cải tiến liên tục theo đà phát triển.

Trên thế giới đã có rất nhiều tiến bộ trong xây dựng mô hình kinh tế, tài chính dựa trên toán học và ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên những tiến bộ này chưa được áp dụng sâu rộng tại Việt Nam. Một trong những lý do là những cơ sở đào tạo hiện hữu chưa thực sự tạo dựng sự giao thoa của Toán học, Thống kê, Công nghệ thông tin và các lý thuyết tài chính. Điểm qua một số trường đại học trong nước cũng đã cố gắng kết nối nhưng trên thực tế cho thấy chưa thực sự thành công, đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Do vậy, cần phải có kiến thức sâu, rộng và liên ngành và bài bản mới có khả năng tham gia hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của thế giới vào tình hình cụ thể tại Việt Nam.

Mặc dù có nhu cầu nhân lực rất lớn, do sự bùng nổ và phát triển của ngành kinh tế, tài chính tại Việt Nam 20 năm qua, việc đào tạo nghiên cứu viên và chuyên gia phân tích, dự báo về tài chính vẫn còn rất hạn chế. Theo hiểu biết của chúng tôi, đã có một số

trường đại học đang nỗ lực phát triển và đào tạo về kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro. Tuy nhiên, quá ít ỏi mới đáp ứng được nhu cầu thực tế ở nước ta.

Nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng, cũng như tận dụng được xu thế phát triển, tích hợp các thế mạnh của các ngành học đang có tại Trường Đại học Kinh tế Luật chúng tôi đã nghiên cứu và xây dựng ngành học: Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính.

Khác với các chương trình hiện có trong nước, chương trình Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính của trường Đại học Kinh tế - Luật muốn tạo ra một cơ sở toán với sự cần thiết vừa đủ nhưng song song đó sinh viên ứng dụng mạnh các mô hình toán thống kê, kinh tế lượng là mục tiêu hàng đầu, giúp sinh viên đáp ứng nguồn nhân lực khan hiếm hiện nay tại các tổ chức tài chính, ngân hàng. Ngoài ra chúng tôi rất chú trọng đến lĩnh vực khai thác dữ liệu, phân tích, xử lý dữ liệu nhất là lĩnh vực Data Science - là vấn đề được quan tâm rất lớn hiện nay. Chương trình đào tạo thể hiện tính ứng dụng cao về mặt toán học trong quá trình đào tạo, tổ chức kết nối với doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên có cơ hội cọ xát các vấn đề thực tiễn.

Và trong cuộc khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Toán Kinh tế [(*)], phần lớn người tham gia khảo sát (97,5%) đều thấy rằng: hiện nay đang có một nhu cầu rất lớn về thống kê cũng như các phần mềm xử lý số liệu hoặc một số phương pháp định lượng. Bên cạnh đó, cuộc khảo sát cũng cho thấy sự đa dạng trong lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên Ngành Toán kinh tế sau khi tốt nghiệp: các công ty tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; Các công ty cần xử lý số liệu: cung ứng kho vận, thương mại điện tử; Các tổ chức, đơn vị tư vấn về giải pháp đầu tư; Các bộ phận kế hoạch, tài chính, nghiên cứu; Các công ty cung cấp giải pháp công nghệ: hỗ trợ thuật toán phần mềm; Nghiên cứu viên tại các viện hoặc tương tự; Giảng dạy các môn học ngành toán ứng dụng, thống kê ... ở ĐH, CĐ hoặc Start-up.

1.4. Mục tiêu đào tạo chất lượng cao

Mục tiêu của Đề án đào tạo cử nhân Chương trình chất lượng cao ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính là đào tạo những cử nhân có trình độ chuyên ngành chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực, là chuyên gia và

quản lý trong các lĩnh vực kinh Tế và tài chính, bảo hiểm vốn đang rất khan hiếm hiện nay.

Tham gia chương trình là những sinh viên xuất sắc, có trình độ tiếng Anh tốt để có thể học nhiều môn trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ có cơ hội tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy và học tập năng động hơn do đặc thù về cách tổ chức lớp học. Đội ngũ giảng viên của chương trình là những người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu, được đào tạo từ các trường đại học tiên tiến trên thế giới và trong nước

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân chất lượng cao ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính có năng lực nghề nghiệp cao, trình độ Tiếng Anh thông thạo, kỹ năng đánh giá, xử lý các vấn đề chuyên ngành vững vàng và nhanh nhạy, khả năng thích ứng cao với các thay đổi về công nghệ và quy trình quản lý, có thể dễ dàng hoà nhập với môi trường làm việc nhiều áp lực hoặc môi trường quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các công sở của Nhà nước, các trường đại học và viện nghiên cứu, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh.

2. Cơ hội nghề nghiệp

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Với kiến thức được trang bị một cách có hệ thống và tổng hợp, các cử nhân Toán kinh tế chất lượng cao có khả năng thích nghi với thực tiễn và làm việc có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau: Tài chính - tiền tệ, Phân tích kinh doanh, Phân tích, tư vấn chính sách… Sinh viên tốt nghiệp được trang bị tốt các kiến thức cơ bản để tham dự các chương trình đào tạo sau đại học trong nước và quốc tế. Phát triển các hướng chuyên sâu thuộc lĩnh vực Toán ứng dụng trong kinh tế như Kinh tế toán, Toán tài chính, Định phí bảo hiểm và tài chính, ...

Cử nhân Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính chất lượng cao có thể làm việc ở các vị trí:

+ Chuyên viên quản lý danh mục đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro cho các công ty, các tập đoàn kinh tế, các công ty bảo hiểm.

+ Chuyên viên định chế tài chính (Ngân hàng, Công ty tài chính; Công ty chứng khoán)

+ Nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu, cơ quan hoạch định chính sách

+ Giảng viên các trường đại học và cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh

+ Tự xây dựng và điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công ty tài chính, bảo hiểm.

Bên cạnh đó, cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính chất lượng cao sẽ đáp ứng đầy đủ điều kiện về kiến thức và kỹ năng để tiếp tục theo học chương trình thạc sĩ trong khối nghành kinh tế, tài chính và quản trị, tiêu biểu như thạc sĩ về tài chính định lượng của Viện John Von Neumann - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sinh viên chọn con đường tiếp tục học thạc sĩ, họ sẽ trở thành lực lượng lao động chất lượng cao vốn đang thiếu hụt nghiêm trọng trong nền kinh tế thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra, có những chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ về tài chính và kinh doanh giữa Đại học Quốc gia và các trường đại học Ireland và một số quốc gia Châu Âu khác, sinh viên tốt nghiệp sẽ đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập để có thể học tốt các chương trình hợp tác quốc tế này.

3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học

3.1. Mục tiêu đào tạo

❖ *Mục tiêu chung*

Đào tạo cử nhân Toán Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn về toán kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

❖ Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực kinh tế, tài chính: nắm vững chuyên môn nghiệp vụ và thành thạo công nghệ trong việc áp dụng các kiến thức đã học trong các vấn đề về kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh.

Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ có kỹ năng nghề nghiệp tốt, phẩm chất cá nhân phù hợp và luôn trau dồi để thích nghi và phát triển sự nghiệp liên tục.

Mục tiêu III: Đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng mềm hiện đại, đặc biệt là khả năng làm việc theo nhóm, khả năng tổ chức, lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp hiệu quả, đảm bảo hào nhập và làm việc tốt với các bộ phân khác nhau trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước.

Mục tiêu IV: Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt.

3.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;

Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;

Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;

Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Điều kiện ngoại ngữ: Giao tiếp bằng tiếng Anh (IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương (4 kỹ năng))

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp.

3.3. Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp

Đối với sinh viên thuộc chương trình Chất lượng cao phải thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, được xem là hoạt động nghiên cứu khoa học bắt buộc theo yêu cầu đào tạo của chương trình chất lượng cao. Tuy nhiên, đối với sinh viên đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thì có thể đăng kí học và thi 2 môn học chuyên môn vào HK8 (4 tín chỉ) để thay cho việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (theo thông báo số 04/ĐHKTL-BĐH ngày 28/11/2019).

3.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra
1	**Kiến thức và lập luận ngành**
1.1	Có kiến thức cơ bản tốt về Toán, thống kê và công nghệ thông tin
1.2	Có khả năng áp dụng các kỹ thuật tính toán vào lĩnh vực kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro, phân tích dữ liệu doanh nghiệp
1.3	Có kiến thức bao quát về kinh tế và tài chính, Quản trị rủi ro và lựa chọn các mô hình, công cụ tính toán để xử lý
2	**Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân**
2.1	Thể hiện khả năng phân tích và giải quyết vấn đề
2.2	Nghiên cứu và khám phá kiến thức
2.3	Tư duy một cách có hệ thống
2.4	Thái độ tư tưởng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác
3	**Kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp**
3.1	Khả năng giao tiếp
3.2	Kỹ năng làm việc nhóm
3.3	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ
4	**Đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp**
4.1	Bối cảnh xã hội : Nhận thức được trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp trong xã hội...
4.2	Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp
4.3	Khả năng tự trau dồi, học tập suốt đời.

3.5. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

CHUẨN ĐẦU RA		**MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**			
Cấp độ 1	Cấp độ 2	MT1	MT2	MT3	MT4
1. Kiến thức và lập luận ngành	Có kiến thức cơ bản (5 CĐR cấp độ 3)	X	X	X	X
	Có kiến thức cơ sở ngành toán kinh tế (9 CĐR cấp độ 3)	X	X	X	X

	Có kiến thức chuyên ngành (8 CĐR cấp độ 3)	X	X	X	X
2. Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân	Có khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề (4 CĐR cấp độ 3)		X	X	X
	Có khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức (6 CĐR cấp độ 3)	X	X		X
	Có khả năng tư duy tầm hệ thống (3 CĐR cấp độ 3)	X	X		X
	Có nhận thức về tư tưởng, thái độ và tinh thần học tập (7 CĐR cấp độ 3)		X	X	X
	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm (6 CĐR cấp độ 3)		X	X	X
3. Kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp	Kỹ năng giao tiếp (5 CĐR cấp độ 3)			X	X
	Kỹ năng làm việc nhóm (4 CĐR cấp độ 3)			X	X
	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ (3 CĐR cấp độ 3)		X	X	
4. Đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp	Bối cảnh xã hội (6 CĐR cấp độ 3)	X	X	X	X
	Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp (5 CĐR cấp độ 3)	X	X	X	X

	Khả năng học suốt đời (5 CĐR cấp độ 3)	X	X	X	X

BẢNG CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3, CHƯƠNG TRÌNH TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH CHẤT LƯỢNG CAO.

(*) Mức điểm đầu ra mục tiêu trên thang đo Bloom (1956) (từ 0,0 đến 6,0)

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ	CHƯƠNG TRÌNH CLC
PHẦN 1	**KIẾN THỨC CƠ BẢN VÀ LẬP LUẬN NGÀNH**		
1.1.	**CÓ KIẾN THỨC CƠ BẢN**		
1.1.1.	Toán học	4,5	**5.0**
1.1.2.	Tin học	4,5	**5.0**
1.1.3.	Kinh tế	4,5	**5.0**
1.1.4.	Pháp luật	4,5	**4.5**
1.1.5.	Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý	4,5	**4.5**
1.2.	CÓ KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TOÁN KINH TẾ		
1.2.1.	Kỹ thuật lập trình	4,5	**5.5**
1.2.2.	Phân tích dữ liệu	4,5	**5.0**
1.2.3.	Kĩ thuật thiết lập mô hình	4,5	**5.0**
1.2.4.	Quản trị	4,5	**4.5**
1.2.5.	Hệ thống thông tin	4,5	**4.5**
1.2.6.	Thống kê kinh tế	4,5	**5.0**
1.2.7.	Thị trường tài chính – chứng khoán	4,5	**5.0**
1.2.8.	Marketing	4,5	**4.5**
1.2.9.	Kế toán – Tài chính	4,5	**4.5**
1.3.	CÓ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ	CHƯƠNG TRÌNH CLC
1.3.1.	Quản trị rủi ro tài chính	4,5	**5.0**
1.3.2.	Dự báo kinh tế	4,5	**5.0**
1.3.3.	Phân tích dữ liệu Web	4,5	**4.5**
1.3.4.	Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	4,5	**4.5**
1.3.5.	Thống kê trong quản trị kinh doanh vài marketing	4,5	**5.0**
1.3.6.	Mô hình thống kê trong bảo hiểm	4,5	**4.5**
1.3.7.	Kĩ thuật học máy	4,5	**4.5**
1.3.8.	Phân tích chuỗi thời gian	4,5	**5.0**
PHẦN 2	**KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN**		
2.1.	CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
2.1.1.	Xác định và trình bày chính xác các vấn đề kinh tế và tài chính	4,0	**4.5**
2.1.2.	Mô hình hoá	4,5	**5.0**
2.1.3.	Ước lượng và phân tích	4,5	**5.0**
2.1.4.	Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyền nghị)	4,5	**5.0**
2.2.	CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC		
2.2.1.	Định hình giả thuyết (nêu giả thuyết)	4,5	**5.0**
2.2.2.	Khảo sát dữ liệu	4,5	**4.5**
2.2.3.	Có khả năng sử dụng công cụ tin học để giải quyết vấn đề kinh tế và tài chính	4,5	**4.5**
2.2.4.	Tiến hành thử nghiệm	4,5	**5.0**
2.2.5.	Phân tích dữ liệu	4,5	**5.0**
2.2.6.	Kiểm định giả thuyết, bảo vệ luận điểm	4,5	**5.0**
2.3.	CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG		
2.3.1.	Hiểu những kiến thức cơ bản và phương pháp của tư duy hệ thống	4,5	**5.0**

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ	CHƯƠNG TRÌNH CLC
2.3.2.	Áp dụng tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề	4,5	**4.5**
2.3.3.	Đánh giá và cân bằng trong giải quyết	4,5	**4.5**
2.4.	CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP		
2.4.1.	Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro	4,5	**4.5**
2.4.2.	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	4,5	**5.0**
2.4.3.	Tư duy sáng tạo	4,5	**5.0**
2.4.4.	Tư duy suy xét	4,5	**5.0**
2.4.5.	Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức	4.5	**4.5**
2.4.6.	Học tập và rèn luyện suốt đời	4.5	**4.5**
2.4.7.	Quản lí thời gian và nguồn lực	4.5	**4.5**
2.5.	ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC		
2.5.1.	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội	4,5	**5.0**
2.5.2.	Hành xử chuyên nghiệp	4,5	**5.0**
2.5.3.	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	4,5	**5.0**
2.5.4.	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh	4,5	**5.0**
2.5.5.	Chấp nhận sự khác biệt và công bằng	4,5	**5.0**
2.5.6.	Tin cậy và gắn bó với tổ chức	4,5	**5.0**
PHẦN 3	**KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP**		
3.1.	KỸ NĂNG GIAO TIẾP		
3.1.1.	Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu	4,5	**5.0**
3.1.2.	Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác	4,0	**4.5**
3.1.3.	Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa	4,5	**5.0**

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ	CHƯƠNG TRÌNH CLC
	phương tiện		
3.1.4.	Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng	4,0	**4.5**
3.1.5.	Có khả năng lắng nghe và tư duy phản biện vấn đề	4,0	**4.5**
3.2.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM		
3.2.1.	Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập	4,5	**4.5**
3.2.2.	Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu	4,5	**4.5**
3.2.3.	Có khả năng phát triển nhóm	4,5	**4.5**
3.2.4.	Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm	4,0	**4.5**
3.3.	**KỸ NĂNG GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ**		
3.3.1.	Có khả năng Giao tiếp văn bản hiệu quả bằng tiếng Anh (500 TOEIC).	4,0	**5.0 (TOEIC 550)**
3.3.2.	Có khả năng giao tiếp đa phương tiện hiệu quả bằng tiếng Anh (500 TOEIC).	4,0	**5.0 (TOEIC 550)**
3.3.3.*	**Có khả năng giao tiếp tiếng bằng lời, trình bày các vấn đề chuyên ngành trôi chảy bằng tiếng Anh**		**4.5**
PHẦN 4	**PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP**		
4.1.	BỐI CẢNH XÃ HỘI		
4.1.1.	Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng	4,5	**5.0**
4.1.2.	Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa	4,0	**4.5**
4.1.3.	Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội	4,0	**4.5**
4.1.4.	Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự	4,0	**5.0**
4.1.5.	Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu	4,5	**5.0**

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ	CHƯƠNG TRÌNH CLC
4.1.6.*	**Có khả năng thích nghi được với sự đa dạng văn hóa toàn cầu**		**4.0**
4.2.	BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ DOANH NGHIỆP		
4.2.1.	Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức	4,0	**4.5**
4.2.2.	Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức	4,0	**4.5**
4.2.3.	Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa	4,0	**4.5**
4.2.4	Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh	4,0	**4.5**
4.2.5	Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh	4,0	**4.5**
4.3	KHẢ NĂNG HỌC SUỐT ĐỜI		
4.3.1.	Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần	4,5	**5.0**
4.3.2.	Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh	4,5	**5.0**
4.3.3.	Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp	4,5	**5.0**
4.3.4.	Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu	4,5	**5.0**
4.3.5.	Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp	4,5	**5.0**

Chú thích: (*) Chuẩn đầu ra mới so với chương trình đại trà

Các chuẩn đầu ra được đo bằng thang đo Bloom hiệu chỉnh gồm sáu cấp độ (Nhớ (1)-Hiểu (2) – Vận dụng (3) – Phân tích (4) – Đánh giá (5) – Sáng tạo (6)). Các chuẩn đầu ra ở mức 4.5 nằm ở vị thế trung gian giữa mức Phân tích và Đánh giá, hàm ý là người học có khả năng phân tích nhưng nhưng chưa đạt tới mức độ toàn diện để làm cơ sở cho hoạt động đánh giá.

Nội dung chương trình chất lượng cao có cấu trúc tương tự chương trình đại đang tiến hành, nhưng cách thức giảng dạy và tài liệu sử dụng với nội dung cập nhật xu hướng thời đại,

có tích hợp nhiều hơn các hoạt động và thực hành phát triển kỹ năng theo phương thức tư duy mới, nhờ vậy, chuẩn đầu ra đạt được sẽ cao hơn hẳn chương trình đại trà.

Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Toán Kinh tế quy định điều kiện tiếng Anh đầu vào ở năm học thứ nhất tương đương TOEIC Nghe-Đọc 171, Nói-Viết 123 và chuẩn đầu ra khi tốt nghiệp tương đương TOEIC Nghe-Đọc 550, Nói-Viết 240.

4. Nội dung chương trình đào tạo

Bảng tỉ lệ các khối kiến thức

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	**130**	**46**	**74**	**29**	**45**	**10**	**95**	**35**	**61**	Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (20TC), GDTC (5 TC), GDQP (165 tiết, tương đương *8TC)*
		100%	35,4%	56,9%	22,3%	34,6%	7,7%	73,1%	26,9%		

Bảng cơ cấu các khối kiến thức

Khối kiến thức chung toàn trường	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp
46 TC	**29 TC**	**45 TC**	**10 TC**
35,4%	22,3%	34,6%	7,7%

- ***Khối kiến thức giáo dục đại cương:*** 46 tín chỉ

- ***Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh:*** 11 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Các môn học bắt buộc (10 TC)	**11**	**11**		
1	GEN1007	Triết học Mác Lê - nin	3	3		
2	GEN1109	Lịch sử ĐCSVN	2	2		
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác Lê - nin	2	2		
5	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		

Nhăn văn – Kỹ năng: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/ TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc			**6**	**6**		
1	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2		
2	BUS1303	Kĩ năng làm việc nhóm	2	2		
3	MIS1004	Tin học ứng dụng	2	2		
4	GEN1007	Logic học	2	2		
6	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2		
7	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		
8	GEN1111	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2		

Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			**4**	**4**		

1	GEN1106	Xã hội học	2	2		
2	GEN1105	Văn hóa học	2	2		
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		

Khoa học kinh tế: 12 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc (15 TC)			**12**	**12**		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô	3	3		
2	ECO1003	Kinh tế vĩ mô	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		

10.1.1. ***Ngoại ngữ không chuyên:*** 20 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

Toán – Thống Kê: 7 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc:			**7**	**7**		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		

Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ

STT		TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ

	MÃ MÔN HỌC		TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 6 TC			**6**	**6**		
1	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 79 tín chỉ

Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 29 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/ TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			**29**	**29**		
1	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp	3	3		
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3		
3	MAT1005	Kinh tế lượng	3	3		
4	MAT1007	Data Visualization	2	2		
5	MAT1008	Toán kinh tế	3	3		
6	MAT1009	Toán tài chính	3	3		
7	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
8	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
9	MIS1008	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	
10	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2		
11	FIN1009	Thị trường chứng khoán	2	2		

Kiến thức ngành và chuyên ngành: **45 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/ TN	KHÁC

Các môn học bắt buộc: 34 TC							
1	ECO1006	Dự báo kinh tế		3			
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính		3			
3	MAT1014	Thống kê Bayes		3			
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính		3			
5	COM1007	Tài chính quốc tế		3			
6	MAT1017	Toán tài chính nâng cao		3			
7	MAT1018	Mô hình định giá tài sản		3			
8	MAT1012	Vận trù học		2			
9	ECO1011	Kinh tế vi môn 2		4			
10	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2		4			
11	ECO1005	Lập và thẩm định dự án đầu tư		3			
Các môn học tự chọn: 11 TC							
1	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy		3			
2	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao		3			
3	MAT1020	Phân tích số liệu mảng		2			
4	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes		2			
5	MAT1016	Lập trình thống kê		3			
6	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư		3			
7	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing		3			
8	MAT027	Định phí bảo hiểm		3			
9	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao		3			
10	MIS1017	Phân tích dữ liệu web		3			

4.1. Danh sách môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh

Bảng danh sách môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh
(Nội dung Đề cương chi tiết môn học tiếng Anh xem phụ lục I)

STT	Mã môn	Tên môn học	Loại môn	Số TC	Học kì phân bổ
1	MAT1007	Data visualization	Bắt buộc	2	3
2	MAT1008	Toán kinh tế	Bắt buộc	3	4
3	MAT1009	Toán tài chính	Bắt buộc	3	4
4	MAT1014	Thống kê Bayes	Bắt buộc	3	5
5	MAT1012	Vận trù học	Bắt buộc	2	5
6	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Bắt buộc	3	5
7	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	Bắt buộc	3	6
8	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	Bắt buộc	3	6
9	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	Bắt buộc	3	7
10	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	Tự chọn	3	7

Danh sách các môn học có trợ giảng (40% tổng số tín chỉ của chương trình)

STT	MÃ MÔN	TÊN MÔN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	
4	MAT1004	Kinh tế lượng	3	
5	MAT1007	Data Visualization	2	
6	MAT1008	Toán kinh tế	3	
7	MAT1009	Toán tài chính	3	
8	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	
9	MAT1012	Vận trù học	2	
10	MAT1014	Thống kê Bayes	3	

11	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	
12	MAT1016	Lập trình thống kê	3	
13	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3	
14	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	3	
15	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	3	
16	MAT1020	Phân tích số liệu mảng	2	
17	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	2	
18	MAT1027	Định phí bảo hiểm	3	

Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp (Học 2 chuyên đề TN): 10 tín chỉ

4.2. Ma trận chuẩn đầu ra đối với môn học

	Môn học		**Kiến thức- Kiến thức và lập luận ngành**			**Mức tự chủ và chịu trách nhiệm - Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân**					**Kỹ năng - Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp**			**Năng lực nghề nghiệp - Đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp**		
		TC	**1.1.**	**1.2.**	**1.3.**	**2.1.**	**2.2.**	**2.3.**	**2.4.**	**2.5.**	**3.1.**	**3.2.**	**3.3.**	**4.1.**	**4.2.**	**4.3.**
	Ngoại ngữ	20										X (4)	X (1,2, 3)			
HK1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X (5)					X (1)	X (6)			X (1, 4)				
	Toán cao cấp	5	X (1)									X ((1,2, 4)	X (1)			
	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	X (4)							X (1,4, 5,6)		X (1,4)				
	Kinh tế học vi mô	3	X (3)					X (1)				X (1,2, 4)				

	Văn hóa học (TC)	2	X (5)					X (3)				X (1,2, 4)				
	Xã hội học (TC)	2	X (5)					X (3)								
	Cơ sở văn hóa Việt Nam (TC)	2	X (5)					X (3)								
	Địa chính trị thế giới (TC)	2	X (5)					X (2,3)				X (1,2, 4)				
	Quan hệ quốc tế (TC)	2	X (5)					X (3)								
	Lịch sử văn minh thế giới (TC)	2	X (5)					X (3)				X (1,2, 4)				
	Giáo dục thể chất 1	3														
HK2	Luật doanh nghiệp	3	X (4)			X (1)	X (1)	X (3)								
	Kinh tế vĩ mô	3	X (3)						X (4)			X (2)			X (1,4, 5)	
	Nguyên lý kế toán	3	X (3)							X (1,4)				X (1)	X (2,4)	
	Quản trị học căn bản	3	X (3)							X (3,4)						
	Lý thuyết xác suất	2	X (1)						X (4)				X (1)			
	Triết học Mác Lê - nin	3	X (5)					X	X			X (2)				

								(1, 2, 3)	(4,6)							
	Tâm lý học đại cương (TC)	2	X (5)					X (3)								
	Nhập môn khoa học giao tiếp (TC)	2	X (5)					X (3)								
	Nhân học đại cương (TC)	2	X (5)					X (3)								
	Giáo dục thể chất	3														
	Giáo dục QP (4 tuần)	165t														
HK3	Lịch sử Đảng CSVN	2	X (5)							X (5,6)		X (2,4)				
	Marketing căn bản	3		X (8)		X (4)								X (1,2)		
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		X (9)		X (1,4)	X (1)									
	Thống kê ứng dụng	3		X (6)					X (4,5)				X (1)			X (2,4)
	Data Visualization	2		X (2)					X (3,4 ,6,7)				X (1,2)			X (4,5)
	Tin học ứng dụng (TC)	3		X (1)		X (2)	X (3)									
	Logic học (TC)	3		X		X		X								

				(1)		(1)		(1,2)								
HK4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	X (5)							X (1,3)		X (2)				
	Kinh tế học quốc tế	2		X (4)										X (4,5)		
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		X (5)					X (3,7)						X (2,4,5)	
	Kinh tế lượng	3		X (6)					X (4,5)			X (2,4)	X (1)		X (4,5)	
	Thị trường chứng khoán	2		X (7)					X (1,4)						X (4)	
	Toán kinh tế	3		X (3)				X (1,2,3)	X (1,4)			X (2,4)	X (1,2)		X (4)	
	Toán tài chính	3		X (9)					X (1,3,4)			X (2,4)	X (1,2)		X (4,5)	
	Tài chính doanh nghiệp	3		X (7)						X (3,4,5)		X (3,4)			X (2,3,4)	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học (TC)	2			X (3)	X (1,2,3,4)	X (1,2,3,4,5,6)		X (3,4,5)							
	Kỹ năng làm việc nhóm (TC)	2				X (1,4)				X (1,2)	X (3,4,5)	X (1,2,3)				

	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				X (1,4)				X (1,2)	X (3,4,5)	X (1,2,3)				
HK 5	Dự báo kinh tế	3			X (2)				X (1,3,4)				X (1)			X (2,4,5)
	Vận trù học	2			X (4)				X (3,4,5)				X (1)			X (1,2,3)
	Thống kê Bayes	3			X (5)				X (3,4,5)				X (1)			X (2,3,4)
	Toán tài chính nâng cao	2			X (1)				X (3,4,5,6)			X (2,4)	X (1,2)			X (1,4,5)
	Lập trình thống kê (TC)	3		X (1)				X (1)				X (2,4)	X (1)	X (1,2)		
	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (TC)	3		X (1)				X (1)				X (2,4)				X (1,2)
	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư (TC)	3		X (7)				X (1,2,3)				X (2,4)	X (1,2)	X (1,2,3)		
	Kinh tế lượng nâng cao (TC)	3		X (6)				X (2,3)				X (2,4)	X (1)			X (2,3,4)
	Phân tích dữ liệu web (TC)	3		X (2)				X (1)				X (2,4)				X (4,5)
	Phân tích số liệu mảng (TC)	2			X (3)				X (3,4)				X (1)			X (4,5)

	Cơ sở dữ liệu (TC)	2			X (3)				X (3,4)				X (1)	X (1)		
HK6	Tài chính quốc tế	3		X (9)				X (1,2)				X (2,4)		X (1)		
	Quản trị rủi ro tài chính	3			X (1)				X (1,4)				X (1)			X (2,3,5)
	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3			X (8)				X (3,4,7)				X (1)			X (4,5)
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X (5)							X (1,5)		X (2,4)				
	Kiến tập	2							X (2,3,5)				X (1)			X (1,2,3)
	Kinh tế vi mô 2	4		X (9)				X (2,3)				X (2)		X (1,3,4)		
	Giới thiệu về máy học (TC)	3			X (7)				X (2,5)				X (1)			X (1,2)
	Thống kê trong quản trị kinh doanh và Marketing (TC)	3			X (5)				X (4,5)				X (1)			X (2,4,5)
	Phân tích dữ liệu Bayes (TC)	3			X (3)				X (4,5,6)				X (1)			X (2,4)
HK7	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3		X (9)				X				X (2,4)	X (1)		X	

								(3,4,5)							(1,2,3,4,5)	
	Kinh tế vĩ mô 2	4		X (3)				X (2,3)				X (2,4)		X (1→5)		
	Thống kê Bayes nâng cao (TC)	3			X (5)				X (4,5)				X (1)			X (4)
	Định phí bảo hiểm (TC)	3			X (6)				X (4,5)				X (1)			X (2,3,4)
	Phương pháp tối ưu trong học máy	3			X (7)				X (3,4,5)				X (1)			X (1,4,5)
	Mô hình định giá tài sản	3		X (9)				X (1,2)				X (2,4)	X (1,2)		X (2,34,5)	
HK8	Thực tập tốt nghiệp	4			X (1→8)				X (1,2,5)				X (1,2)			X (1,2,4)
	Khóa luận tốt nghiệp	2			X (1→8)				X (2,3,4,5)				X (1,2)			X (1,2,4)
	Môn chuyên đề 1	2			X (1→8)				X (3,4,5)				X (1,2,3)			X (2,4)
	Môn chuyên đề 2	2			X (1→8)				X (3,4)				X (1,2,3)			X (2,4)

4.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I – 17 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

Bảng các môn học học kì I

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		**13**	**13**			
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô		3	3			MAT1001
3	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật		3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)		5	5			
		Môn học tự chọn		**4**	**4**			
1	GEN1105	Văn hóa học	**3 môn chọn 1**	2	2			
2	GEN1106	Xã hội học		2	2			
3	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2			
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới	**3 môn chọn 1**	2	2			
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2			
7	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3			

HỌC KỲ II – 19 TC

Bảng các môn học học kì II

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		**17**	**17**			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô		3	3			MAT1001 ECO1001
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán		3	3			
4	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			MAT1001
6	GEN1007	Triết học Mác – Lênin		3	3			
		Môn học tự chọn		**2**	**2**			
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	**3 môn chọn 1**	2	2			
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
3	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2			
4	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		3	3			
5	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 15 TC

Bảng các môn học học kì III

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		**13**	**13**			
1	GEN1109	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	2			
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng		3	3			MAT1001 MAT1002
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			ECO1001 ECO1002
4	MAT1007	Data Visualization		2	2			
5	BUS1200	Marketing căn bản		3	3			
		Môn học tự chọn		**2**	**2**			
1	MIS1004	Tin học ứng dụng	**2 môn chọn 1**	2	2			
2	GEN1007	Logic học		2	2			

HỌC KỲ IV: 22 TC

Bảng các môn học học kì IV

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		**20**	**19**	**1**		
1	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2			
2	MAT1008	Toán kinh tế		3	3			MAT1001
3	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh		2	1	1		
4	MAT1009	Toán tài chính		3	3			
5	FIN1109	Thị trường chứng khoán		2	2			
6	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2			ECO1001 ECO1002
7	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp		3	3			
8	MAT1004	Kinh tế lượng		3	3			MA10001 MAT1002 MAT1003
		Môn học tự chọn		**2**	**2**			
1	ECO1003	Phương pháp nghiêu cứu khoa học	**3 môn chọn 1**	2	2			MAT1001 MAT1002 MAT1003
2	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm		2	2			
3	GEN1111	Thực hành văn bản tiếng Việt		2	2			

HỌC KỲ V: 16 TC

Bảng các môn học học kì V

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	**11**	**11**			
1	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3			MAT1004
2	MAT1012	Vận trù học	2	2			
3	MAT1014	Thống kê Bayes	3	3			
4	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3	3			MAT1009
		Môn học tự chọn	**5**	**5**			
1	MAT1016	Lập trình thống kê	3	3			
2	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3			MIS1004
3	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư	3	3			
4	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao	3	3			MAT1004
5	MIS1017	Phân tích dữ liệu web	3	3			
6	MAT1020	Phân tích số liệu mảng	2	2			MAT1004
7	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	2	2			MAT1004

HỌC KỲ VI: 20 TC

Bảng các môn học học kì VI

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Tích lũy**	**Đã học và thi**
		Môn học bắt buộc	**17**	**14**	**2**		
1	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
2	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
3	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3			
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	3			MAT1004
5	MAT1023	Kiến tập	2		**2**		
6	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			ECO1001
		Môn học tự chọn	**3**	**3**			
1	MAT1024	Giới thiệu về máy học	3	3			
2	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing	3	3			MAT1004
3	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	3	3			MAT1003

HỌC KỲ VII: 13 TC

Bảng các môn học học kì VII

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	**10**	**10**			
1	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư	3	3			
2	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	3	3			FIN1102
3	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			ECO1002
		Môn học tự chọn	**3**	**3**			
1	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	3	3			MAT1014
2	MAT1027	Định phí bảo hiểm	3	3			MAT1003
3	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy	3	3			MAT1003 MAT1007

HỌC KỲ VIII: 8 TC

Bảng các môn học học kì VIII

	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	MAT1030	Thực tập cuối khóa	4		4		
2	MAT1031	Khóa luận tốt nghiệp	4		4		
3	MAT1025	Môn chuyên đề 1(*): Seminar	2	2			
4		Môn chuyên đề 2: Chuyên đề Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính	2	2			

*(*): Sinh viên CLC hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định của nhà trường có thể lựa chọn **học 2 môn chuyên đề thay thế cho Khóa luận tốt nghiệp**.*

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	**ENG1001**	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	**ENG1002**	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	**ENG1003**	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	**ENG1004**	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (*chọn **12 tín chỉ** theo khối tự chọn mở rộng*)

*Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp*

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1010	Tập quán thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1028	Phân tích chính sách đối ngoại của Việt Nam (seminar)	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại	3	3			

		thương					

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC) *(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)*

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
Nhóm 2							

1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC) *(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)*

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	**Chọn 3 trong 5 môn**			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	**Chọn 1 trong 2 môn**			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001

							LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tố tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101

							LAW1102 LAW1103 LAW1207

5. Mô tả vắn tắt đề cương và nội dung môn học

1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

2. KINH TẾ HỌC VI MÔ (MICROECONOMICS)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất….

3. LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam

4. TOÁN CAO CẤP (HIGHER MATHEMATICS)

Số tín chỉ: 5

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về ĐSTT và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian Rn; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

5. VĂN HÓA HỌC (CULTURISM)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau:

- Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học.
- Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học.
- Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch.
- Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

6. XÃ HỘI HỌC (SOCIOLOGY)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học…, môn học còn giúp sinh viên hiểu

rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

7. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học nhằm cung cấp cho người học ngành khoa học xã hội – nhân văn kiến thức nền về văn hóa và văn hóa Việt Nam, đồng thời hướng dẫn người học hướng tiếp cận văn hóa học khi nghiên cứu văn hóa Việt Nam, tạo cơ sở để có thể tự tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu hoặc hỗ trợ cho người học nghiên cứu chuyên ngành của họ.

8. ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

- Học phần giúp sinh viên bước đầu tiếp cận và đánh giá tầm quan trọng của các khu vực chiến lược trên thế giới, qua đó giúp trang bị những kiến thức giúp người học hiểu biết nhiều hơn về đời sống quốc tế trong thời kỳ toàn cầu hóa ngày càng phát triển hiện nay.

- Liên hệ chặt chẽ với thực tiễn của đất nước, chọn lọc được những kinh nghiệm phù hợp, chấp nhận những ảnh hưởng tích cực, đề ra những chủ trương, giải pháp để ngăn chặn các tác động tiêu cực là đảm bảo nguyên tắc ưu tiên toàn diện cho lợi ích quốc gia.

9. QUAN HỆ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL RELATIONS)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế.

10. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (HISTORY OF CIVILIZATION)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

11. LUẬT DOANH NGHIỆP (Corporation law)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp;

- Trong từng nội dung cụ thể,nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau;

- Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.

12. KINH TẾ VĨ MÔ (MACROECONOMICS)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân
- Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá
- Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ
- Lạm phát và thất nghiệp
- Nền kinh tế mở
- Tăng trưởng và phát triển kinh tế

13. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, … của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.

14. QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN (MANAGEMENT THEORIES)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn

thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

15. LÝ THUYẾT XÁC SUẤT (PROBABILITY AND STATICTIS)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Toán Cao Cấp

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Bố cục của môn học được chia thành hai phần: Lý thuyết xác suất và Thống kê.

- Phần xác suất trình bày những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất mà sinh viên các ngành học đều đòi hỏi. Sinh viên có thể biết được thế nào là một hiện tượng ngẫu nhiên, đối tượng nghiên cứu của nó. Tính được khả năng xãy ra của các hiện tượng đó là bao nhiêu, từ đó có thể vận dụng kết quả để đưa ra các quyết định cần thiết. Cung cấp cho sinh viên một số phân phối xác suất cơ bản để vận dụng vào việc tính xác suất của một biến số ngẫu nhiên và cơ sở để nghiên cứu các chương sau.

- Trong phần kiến thức cơ bản về Thống kê tập trung vào các phần quan trọng như Lý thuyết lấy mẫu, Bài toán ước lượng, và Bài toán Kiểm định giả thuyết. Sinh viên có thể vận dụng vào các môn học trong chuyên ngành Kinh tế như Lý thuyết thống kê, Kinh tế lượng.

16. TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.

- Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

17. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.

18. NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ…

19. NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: là trình bày tổng quát một ngành khoa học nghiên cứu về con người; từ con người sinh học đến con người văn hóa – xã hội.

20. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

21. THỐNG KÊ ỨNG DỤNG (APPLIED STATISTICS)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

22. NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH (Lý thuyết tài chính tiền tệ - ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học căn bản

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu

tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....

23. DATA VISUALIZATION

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

24. MARKETING CĂN BẢN (PRINCIPLES OF MARKETING)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng.

Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm sóat Marketing hàng năm.

25. TIN HỌC ỨNG DỤNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Có kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính dựa trên các nội dung học từ Windows, winword, excel, đến khả năng sử dụng internet. Hiểu rõ cách thức hoạt động của máy tính, nắm rõ quy trình làm việc và sử dụng máy đúng cách. Biết ứng dụng kiến thức đã học một cách tổng hợp để giải quyết các bài tập. Sử dụng tin học trong việc học tập và chuyên ngành.

26. LOGIC HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam… Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

27. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊ NIN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: KHÔNG

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Kinh tế chính trị học Mác – Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin, môn học cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hình thành và phát triển của sản xuất hàng hoá, quy luật vận động phát triển của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Từ đó, môn học còn giúp người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Môn học còn góp phần củng cố lập trường cách mạng, nâng cao năng lực tư duy khoa học, phát triển nhân cách của người học đáp ứng yêu cầu của đất nước.

28. TOÁN KINH TẾ (MATHEMATICS FOR ECONOMICS)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học thuộc phạm vi kiến thức khoa học cơ bản. Nó cung cấp các kiến thức hết sức cần thiết trong việc mô tả các bài toán kinh tế bằng các mô hình toán học. Các kiến thức này hỗ trợ nhiều cho sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở và chuyên ngành của mình.

29. HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và tin học ứng dụng.

Nội dung môn học: Nắm vững các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin kinh doanh gắn liền với việc tạo ưu thế cạnh tranh cho doanh nghiệp nói chung và hoạt động kinh doanh qua mạng Internet nói riêng. Hiểu rõ sự gắn kết của hệ thống thông tin và tác động của chúng đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Nắm vững những yêu cầu đặt ra với các doanh nghiệp khi đầu tư vào công nghệ thông tin nhằm tạo ra và duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh tế mới.

30. TOÁN TÀI CHÍNH (MATHEMATICAL FINANCE)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: môn Toán tài chính gồm 8 chương giúp bạn nắm vững các kiến thức về: lãi suất, tài khoản vãng lai, chiết khấu thương phiếu, chuỗi tiền tệ, đầu tư dài hạn, trái khoản, trái phiếu, cổ phiếu.

31. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Sinh viên sau khóa học sẽ được trang bị kiến thức về mô hình và cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán và thực tế thị trường chứng khoán tập trung có tổ chức tại Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu các kỹ năng quan sát động thái giá cả chứng khoán trên thị trường từ đó hình thành khả năng nhận định thị trường dựa trên phân tích kỹ thuật.

32. KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: những kiến thức cơ bản của kinh tế học quốc tế, làm cơ sở lý thuyết cho việc học tập các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế-quản lí

33. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: Khóa học bao gồm 7 chương, cung cấp kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp bao gồm các vấn đề quan trọng trong tài chính doanh nghiệp như phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết và lợi nhuận và ngân sách vốn. Các sinh viên được trình bày với một khung khái niệm để hiểu và giải quyết các vấn đề thường gặp của những người ra quyết định của công ty và được cung cấp cơ hội để áp dụng các khái niệm này vào các tình huống kinh doanh đương đại. Các chủ đề bao gồm: báo cáo tài chính và dòng tiền, phân tích báo cáo tài chính, giá trị thời gian của tiền, rủi ro và lợi nhuận và ngân sách vốn / kỹ thuật đánh giá dự án.

34. KINH TẾ LƯỢNG (Ecomometric)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: TCC, LTXS, TKUD

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hôi nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

35. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (RESEARCH METHODOLOGY)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn "Phương pháp nghiên cứu khoa học" được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các

phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

36. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM (Teamwork Skills)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học.

- Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.

- Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, …. Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.

37. DỰ BÁO KINH TẾ

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: TCC,LTXS, TKUD, KTL

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

38. VẬN TRÙ HỌC

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học thuộc phạm vi kiến thức chuyên ngành. Trang bị cho SV những kiến thức, các áp dụng của bài toán quy hoạch tuyến tính dưới dạng đồ thị, mạng và một số áp dụng trong thực tế.

39. THỐNG KÊ BAYES

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: phân phối có điều kiện, phân phối đồng thời, phân phối lề, ước lượng mật độ phi tham số, phân phối tiên nghiệm, phân phối hậu nghiệm, phân phối dự báo, hàm niềm tin, luật Bayes, tính hoán đổi, liên hợp, bán liên hợp, phương pháp Monte Carlo, tạo mẫu theo phương pháp Gibbs, mô hình nhị thức, mô hình Poisson, mô hình chuẩn một chiều, mô hình chuẩn nhiều chiều, phân phối Wishart và Wishart ngược, dữ liệu bị thiếu, hồi quy Bayes, chọn lựa mô hình.

40. TOÁN TÀI CHÍNH NÂNG CAO (MATHEMATICAL FINANCE II)

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: MAT1009

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền vững chắc về toán tài chính. Các nội dung bao gồm giá trị theo thời gian của tiền, lý thuyết danh mục, lý thuyết thị trường vốn, lý thuyết định giá chứng khoán và phái sinh. Nội dung trọng tâm là xây

dựng hiểu biết về khái niệm sâu sắc với các giả thuyết, cho thấy cách xây đựng các phương trình và các mối quan hệ.

41. LẬP TRÌNH THỐNG KÊ (STATISTIC PROGRAMMING)

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: học phần này trình bày một số ứng dụng của ngôn ngữ R trong lĩnh vực phân tích dữ liệu bao gồm: các hàm, thống kê phân tích, ứng dụng các mô hình xác suất trong R, làm việc với dữ liệu theo chuỗi thời gian, vẽ và sử dụng các đồ thị thường dùng trong thống kê, và kiểm định giả thiết thống kê cho tập dữ liệu.

42. CẤU TRÚC DỮ LIỆU VÀ GIẢI THUẬT (DATA STRUCTURE AND ALGORITHM)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình tìm hiểu về mảng, list, heap, cây … và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. Đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.

43. TOÁN ỨNG DỤNG TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ PHÂN BỔ ĐẦU TƯ

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức chuyên môn về lý thuyết và các phương thức tiếp cận các quy trình phân tích, dự báo, quản trị rủi ro và các ứng dụng trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực tài chính và các vấn đề liên quan.

44. KINH TẾ LƯỢNG NÂNG CAO

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: MAT1004

Nội dung môn học: Kinh tế lượng nâng cao giới thiệu một số mô hình kinh tế lượng được sử dụng rộng rãi trong phân tích kinh tế và dự báo chuỗi, bao gồm: Chương 1 xem xét một số mô hình động, chương 2 trình bày mô hình hệ phương trình đồng thời, chương 3 quan tâm tới mô hình trong đó biến phụ thuộc là biến rời rạc. Bốn chương còn lại quan tâm đến chuỗi thời gian, trong đó chương 4 giới thiệu vấn đề làm trơn và ngoại suy chuỗi thời gian. Chương 5 quan tâm đến tính dừng của chuỗi, các kiểm định về chuỗi dừng và một số đặc trưng thống kê của chuỗi dừng. Ngoài ra chương này cũng trình bày vấn đề đồng tích hợp giữa các biến số chuỗi thời gian. Chương 6 và 7 giới thiệu các mô hình rất thông dụng trong dự báo chuỗi thời gian: mô hình ARIMA, mô hình VAR và mô hình VECM.

45. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU WEB (Web data analytics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Thiết kế và lập trình Web TMĐT, Thương mại điện tử.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là thế hệ web 2.0 đã hình thành nên một xu thế kinh doanh, quản lý và giao tiếp xã hội mới. Điều này dẫn đến hành vi của con người cũng thay đổi theo. Chính vì vậy, việc sử dụng và khai thác các website và các công cụ trực tuyến ngày càng hiệu quả. Các giao dịch mua bán, trao đổi thông tin hầu như được người dùng thực hiện trực tuyến trên website và các công cụ trực tuyến đó. Vì vậy, việc quản lý và phân tích dữ liệu từ các giao dịch đó phát sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là dữ liệu phát sinh liên tục và đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau dẫn đến khó quản lý và phân tích để làm thể nào hiểu được khách hàng, phân tích được tình hình kinh doanh của công ty. Phân tích dữ liệu Web sẽ giúp người quản lý giải quyết điều khó khăn đó. Với mục tiêu là thu thập, phân tích, báo cáo những dữ liệu được giao dịch từ các website (gồm cả dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc), phân tích dữ liệu Web được áp dụng để hỗ trợ đánh giá tình hình hoạt động cũng như xây dựng chiến lược kinh doanh, quản lý trong ngắn và dài hạn của công ty.

46. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU MẢNG

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Nội dung môn học gồm 5 chương. Chương I giới thiệu các khái niệm liên quan đến mô hình số liệu mảng và các động lực của mô hình phân tích số liệu mảng. Chương II trình bày các phương pháp ước lượng gộp. Chương III trình bày mô hình tác động ngẫu nhiên, phần mô hình tác động cố định được trình bày trong chương IV. Chương V giới thiệu một số mở rộng của mô hình số liệu mảng dạng cơ bản

47. CƠ SỞ DỮ LIỆU (DATABASE)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học gồm 4 phần:

- Phần một: Giới thiệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: giúp cho sinh viên nắm được như thế nào là lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ, vai trò của cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin, từ khảo sát hiện trạng, phân tích được các yêu cầu, đưa ra các thiết kế luận lý.

- Phần hai: Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL: cung cấp các cú pháp, phép toán, hàm và dạng truy vấn khai thác thông tin.

- Phần ba: Chuẩn hóa CSDL, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để tối ưu hóa cơ sở dữ liệu.

- Phần bốn: Viết phần mềm khai thác CSDL trên C# theo mô hình 3 lớp.

48. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin

Nội dung:Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

49. TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL FINANCE)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: The course presents structure, operational mechanism of the international financial markets system, the interrelationships between finance and moneysuch as exchange rate, interest rates, inflation, income and balance of payments and knowledge of the exchange rate risk management, the regime and policy of the exchange rate, international capital flows and international balance of payments.Issues relating to purchasing power parity, interest rate parity and international Fisher effect are also discussed. Moreover, the course provides knowledge of the role, position and influence of international financial on a companies' activities, especially MNCs.

50. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Mục tiêu chung của môn học là tạo cho sinh viên nắm bắt cơ sở lý thuyết để nhận thức và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tài chính. Môn học cũng dành phần lớn thời lượng để nghiên cứu các rủi ro cũng như đi vào phân tích, đánh giá, đo lường loại rủi ro có thể xảy ra. Đây là kiến thức nền tảng cơ bản giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp và lý luận thực tiễn phục vụ cho quá trình làm việc sau khi ra trường có khả năng vận dụng vào công tác thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cũng như tại các doanh nghiệp phục vụ cho công tác đầu tư cũng như quản trị rủi ro.

51. PHÂN TÍCH CHUỖI THỜI GIAN TRONG TÀI CHÍNH

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: KHÔNG

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Mục tiêu của học phần: (i) Cung cấp các kiến thức lý thuyết nâng cao về phân tích chuỗi thời gian; (ii) Cung cấp các kỹ thuật cần thiết để phân tích

thực nghiệm các chuỗi thời gian trong tài chính; (iii) Mô hình hóa, ước lượng, kiểm định một số lớp mô hình cụ thể (AR, MA, ARIMA,VAR, ECM, GARCH); (iv) Cung cấp các kỹ thuật dự báo cho chuỗi thời gian ứng dụng trong tài chính.

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các lý thuyết cơ bản, cách mô hình hóa, định dạng,ước lượng, dự báo một hoạc nhiều chuỗi chuỗi thời gian trong tài chính; sử dụng được phầm mềm EVIEWS để tính toán.

52. KINH TẾ VI MÔ 2

Thời lượng: 4 tín chỉ

Sinh viên học xong môn toán cao cấp, kinh tế lượng và môn kinh tế học vi mô 1

Mục tiêu chính của môn học là sau khi học xong, sinh viên có thể ứng dụng các khái niệm, nguyên lý và công cụ của kinh tế học vi mô trong việc: (i) Hiểu được bản chất nhiều vấn đề kinh tế được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng; (ii) Thực hiện một số phân tích về thị trường và các thất bại của thị trường, can thiệp của nhà nước và các thất bại của nhà nước; (iii) Hiểu thấu đáo kiến thức về kinh tế học phúc lợi ứng dụng. Môn học cũng sẽ rèn luyện tính tư duy độc lập thông qua bài tập cá nhân và thảo luận trên lớp.

53. GIỚI THIỆU VỀ MÁY HỌC (INTRODUCTION TO MACHINE LEARNING)

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: Môn học tập trung vào giới thiệu khái niệm cơ bản của máy học, các ứng dụng để nghiên cứu, thảo luận về một số chủ đề. Biết cách trình bày và thảo luận về một số vấn đề kỹ thuật và ứng dụng. Vận dụng kiến thức trong các áp dụng cụ thể.

54. THỐNG KÊ TRONG QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ MARKETING

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Trang bị cho học viên tiếp cận các phương pháp phân tích dữ liệu trong chuyên ngành QuảnTrị - Marketing. Cụ thể, người học sẽ:

- Làm chủ được Stata và SPSS – phần mềm ưu việt phân tích số liệu

- Có kỹ năng tìm kiếm và khai thác số liệu phù hợp cho các nghiên cứu

- Sử dụng được các phương pháp kinh tế lượng hiện đại trong nghiên cứu

55. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU BAYES (BAYESIAN DATA ANALYSIS)

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: MAT1003

Nội dung môn học: Mục đích của khóa học này là giới thiệu cho sinh viên mô hình và suy luận thống kê Bayes và các chiến lược tính toán và thuật toán liên quan. Khóa học bắt đầu với việc điều trị các mô hình đơn giản, chẳng hạn như các mô hình dựa trên phân phối bình thường và nhị thức. Khái niệm liên hợp và các linh mục không có thông tin được minh họa, cho các mô hình đơn và đa tham số. Hơn mô hình nâng cao sau đó được xử lý, bao gồm mô hình phân cấp, mô hình hồi quy tuyến tính và mô hình tuyến tính tổng quát. Phương pháp tính toán Bayes (MCMC), bao gồm bộ lấy mẫu Gibbs và các thuật toán của Metropolis-Hastings, được trình bày với sự nhấn mạnh đến các vấn đề liên quan đến chúng thực hiện và giám sát sự hội tụ. Khóa học sẽ khá toán học, với ứng dụng cho các vấn đề dữ liệu thực tế.

56. LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn toán cao cấp C1, C2, kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1.

Nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề sau:

Những nội dung và phương pháp lập một dự án đầu tư

Nội dung, phương pháp và cách thức thẩm định dự án đầu tư.

Khi ra trường sinh viên có thể lập được các dự án đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư; quản lý các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp hoặc các sở, ban ngành; có thể công tác tại sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố, hoặc có thể tự lập các dự án đầu tư cho doanh nghiệp hay cho bản thân.

57. MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Định giá là một môn học cổ điển từ khi ra đời các môn học cơ bản về tài chính và cấu trúc tài chính của Merton Miller and Franco Modigliani. Dựa trên mô hình này, chúng ta sẽ phát triển các mô hình phổ biến và hiện đại về định giá tài sản và doanh nghiệp trong các môi trường và điều kiện khác nhau. Đặc biệt môn học sẽ đi sâu vào các mô hình của giáo sư Alfred Rappaport và Joel Stern (Stern Stewart & Co.) với các ứng dụng trong thực tiễn.

58. KINH TẾ VĨ MÔ 2

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: ECO1002

Nội dung môn học: Nội dung môn học trình bày khái quát về kinh tế vĩ mô. Phân tích các thành tố trên thị trường hàng hóa và việc xác định sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa. Cầu tiền và việc xác định lãi suất trên thị trường tài chính. Phân tích thị trường hàng hóa và thị trường tài chính qua mô hình IS – LM. Phân tích tổng mức cầu và tổng mức cung qua mô hình AS – AD. Mối quan hệ giữa lạm phát, hoạt động kinh tế và mức tăng tiền tệ trong nền kinh tế. Mối quan hệ giữa tiết kiệm, tích lũy vốn và sản lượng. Vai trò của tiến bộ công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế. Mối quan hệ giữa sản lượng, lãi suất, tỷ giá hối đoái, luồng vốn và hàng hóa quốc tế trong nền kinh tế mở.

59. THỐNG KÊ BAYES NÂNG CAO

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: MAT1014

Nội dung môn học: Khóa học này tập trung vào các phương pháp suy luận Bayes với sự nhấn mạnh vào lý thuyết và ứng dụng. Những phát triển gần đây của các công cụ tính toán đã mang lại cho Bayes cách xử lý các vấn đề phức tạp trong tầm tay của các nhà thống kê thực hành. Tiến bộ đáng kể đã được thực hiện trong việc phát triển một lý thuyết cho các mô hình vô hạn và hướng tới việc thực hiện các phương pháp tính toán Bayes cho các mô hình chiều thay đổi. Khóa học này sẽ minh họa một loạt các phương pháp lý thuyết và tính toán, kỹ thuật mô phỏng và mô hình phân cấp phù hợp để phân tích dữ liệu phức tạp. Các chủ đề rộng bao gồm các phương pháp Monte Carlo tiên tiến, các lý thuyết tiệm cận, các phương pháp thích ứng và các phương pháp không đối xứng Bayes.

60. ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: MAT1003

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu về các phương pháp toán học (mô hình toán, lý thuyết xác suất) và thống kê để đánh giá rủi ro trong bảo hiểm, tài chính.

61. PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU TRONG HỌC MÁY

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: MAT1003, MAT1007

Nội dung: Khóa học này giới thiệu một loạt các mô hình học máy và các công cụ tối ưu hóa được sử dụng để áp dụng các mô hình này trong thực tế. Đối với các sinh viên với một số nền tảng ML, khóa học này sẽ giới thiệu những gì ẩn chứa đằng sau các công cụ tối ưu hóa cũng như sự hiểu biết về sự đánh đổi của độ chính xác số và độ phức tạp về lý thuyết và thực nghiệm. Các sinh viên yêu thích với một số nền tảng tối ưu hóa khóa học này sẽ giới thiệu nhiều ứng dụng trong học máy và thống kê cũng như các phương pháp tối ưu hóa nhắm mục tiêu vào các ứng dụng này.

62. MÔN CHUYÊN ĐỀ 1: SEMINAR

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên năm cuối hay năm thứ ba một số bài toán của khoa học dữ liệu trong các hoạt động kinh doanh, sản xuất và vận hành được cập nhật tới thời điểm diễn ra khóa học. Trong quá trình thực hiện, sinh viên vận dụng một số kỹ năng mềm quan trọng cho công việc sau này như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, lên kế hoạch, phân công, giám sát tiến độ dự án….. Trong đó, quy trình làm việc của doanh nghiệp sẽ đươc chỉ dẫn và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt. Các tiêu chí đánh giá sẽ được áp dụng, kỹ năng xử lý tình huống và ra quyết định sẽ được giới thiệu.

63. MÔN CHUYÊN ĐỀ 2: TOÁN ỨNG DỤNG TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ PHÂN BỔ ĐẦU TƯ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Sinh viên sẽ vận dụng tổng hợp kiến thức của ba khối; toán+thống kê, khoa học máy tính và khối ngành kinh doanh, tài chính để thực hiện trọn vẹn từ bước đầu đến bước cuối của một dự án thực tế. Trong quá trình thực hiện, sinh viên vận dụng một số kỹ năng mềm quan trọng cho công việc sau này như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, lên kế hoạch, phân công, giám sát tiến độ dự án….. Trong đó, quy trình làm việc của doanh nghiệp sẽ đươc chỉ dẫn và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt. Các tiêu chí đánh giá sẽ được áp dụng, kỹ năng xử lý tình huống và ra quyết định sẽ được giới thiệu.

6. Danh sách đội ngũ giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lí, cán bộ phục vụ thực hành, thí nghiệm

6.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

Bảng danh sách giảng viên cơ hữu theo đúng ngành đào tạo

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích số liệu

						mảng
2	Nguyễn Phúc Sơn	1980		TS-2009	Toán ứng dụng	Data Visualization *Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính* *Lập trình thống kê* Phân tích dữ liệu Bayes Phương pháp tối ưu trong học máy
3	Nguyễn Hội Nghĩa		PGS	TS	Toán học	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất
4	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp
5	Phạm Văn Chững	1959		TS -2010	Toán học	Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng *Kinh tế lượng nâng cao* *Dự báo kinh tế* *Thống kê trong QTKD và Marketing* *Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư*
6	Lê Thanh Hoa	1983		TS- 2020	Toán ứng dụng	Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
7	Nguyễn Đình Uông	1979		ThS -2008	Toán ứng dụng	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
8	Võ Thị Lệ Uyển	1980		ThS - 2007	Toán giải tích	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng Dự báo kinh tế

9	Lê Thị Thanh An	1981		TS	Toán ứng dụng	Toán tài chính Toán tài chính nâng cao
10	Hà Văn Hiếu			TS	Toán ứng dụng	Toán kinh tế Định phí bảo hiểm Mô hình định giá tài sản

Bảng danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích số liệu mảng
2	Nguyễn Phúc Sơn	1980		TS-2009	Toán ứng dụng	Hiển thị dữ liệu (Data Visualization) Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính Lập trình R Lý thuyết trò chơi Phân tích dữ liệu Bayes Phương pháp tối ưu trong học máy
3	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất
4	Phạm Văn Chững	1959		TS -2010	Toán ứng dụng	Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng Dự báo kinh tế *Kinh tế lượng nâng cao* *Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro*

						và phân bổ đầu tư
5	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS	TS	Kinh tế	Kinh tế vi mô Kinh tế vi mô 2 Kinh tế vĩ mô 2
6	Nguyễn Anh Phong		PGS	TS	Tài chính ngân hàng	*Quản trị rủi ro tài chính*
7	Nguyễn Thị Lan Anh	1969		TS - 2014	Tài chính	Nguyên lý kế toán
8	Phạm Thế Tri	1953		TS - 2002	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	Quản trị học căn bản Quản trị rủi ro Marketing căn bản
9	Lê Hoành Sử			TS	Hệ Thống thông tin	*Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*
10	Trần Văn Đức			TS	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế quốc tế *Tài chính quốc tế*
11	Mai Thu Phương			ThS	Quản trị kinh doanh	Kĩ năng làm việc nhóm
12	Lê Thanh Hoa	1983		TS- 2020	Toán ứng dụng	Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng *Thống kê trong QTKD và Marketing*
13	Nguyễn Đình Uông	1979		ThS -2008	Toán ứng dụng	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
14	Võ Thị Lệ Uyển	1980		ThS - 2007	Toán giải tích	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
15	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		TS - 2009	Luật kinh tế	Lý luận Nhà nước và pháp luật

16	Đào Thị Thu Hằng			TS - 2018	Luật kinh Tế	Luật doanh nghiệp
17	Hồ Trung Thành			TS	Hệ thống thông tin	Phân tích dữ liệu web Cơ sở dữ liệu
19	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Tài chính	Nguyên lý thị trường tài chính Tài chính quốc tế Thị trường chứng khoán
20	Đỗ Đức Khả	1965	GVC - 2006	ThS -	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
21	Nguyễn Anh Tuấn			ThS	Kinh tế học	Kinh tế vĩ mô
23	Mai Lê Thúy Vân			ThS	Kinh tế học	Kinh tế vi mô
24	Phạm Mỹ Duyên			ThS	Kinh tế	Lập thẩm định dự án đầu tư
25	Nguyễn Duy Nhất			ThS	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin trong kinh doanh
26	Lê Thị Thanh An	1981		TS	Toán ứng dụng	Toán tài chính Toán tài chính nâng cao
27	Hà Văn Hiếu			TS	Toán ứng dụng	Toán kinh tế Định phí bảo hiểm Mô hình định giá tài sản

Bảng danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Kim Thi Dung		GVC.ThS		- Tâm lý học - Cơ sở văn hóa Việt Nam	ĐH Khoa học XH & NV
2	Trần Thanh Huyền		TS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
3	Trần Nam Tiến		PGS.TS	Quan hệ quốc tế	Địa chính trị thế giới Lịch sử văn minh thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
4	Châu Văn Ninh		ThS	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Khoa học XH & NV
5	Lê Thị Ngọc Điệp		TS	Xã hội học	Văn hóa học Xã hội học	ĐH Khoa học XH & NV
6	Trần Dũng		TS	Văn hóa học	Nhân học đại cương	ĐH Khoa học XH & NV
7	Phạm Khánh Bằng		GVC.ThS	Triết học	- Đường lối CM ĐCSVN	Học viện hành chính khu vực II

8	Đinh Thị Điều		GVC.ThS	Triết học	- Tư tưởng HCM - Kinh tế chính trị Mác lê nin - Chủ nghĩa khoa học xã hội - Triết học Mác lê nin	Học viện hành chính khu vực II
10	Hà Văn Tú		TS		Nhập môn hoa học giao tiếp	ĐH KHXHNV
11	Nguyễn Lê Hoàng Anh		TS	Tối ưu ứng dụng	Mô hinh định giá tài sản	Đại Học Khoa học tự nhiên
12	Bùi Anh Tuấn		TS	Toán – tin học	*Vận trù học*	Đại Học Khoa học tự nhiên
13	Tạ Quốc Bảo		TS	Toán ứng dụng	*Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư* *Toán tài chính nâng cao*	ĐH Ngân hàng Tp.HCM

Bảng lượng dạy Giảng cơ hữu thỉnh khối giảng của viên và giảng

	Thời lượng	**Tỷ lệ**
Giảng viên cơ hữu Trường đại học Kinh tế-Luật	97 tín chỉ	74.6%
Giảng viên thỉnh giảng	33 tín chỉ	25.4%
Tổng cộng	130 tín chỉ	100%

Bảng danh sách một số giảng viên học vị Tiến sĩ và Thạc sĩ tham gia giảng dạy

STT	**Họ và tên**	**Văn bằng cao nhất**	**Ngành đào tạo**

1	Phạm Hoàng Uyên	Tiến sĩ	Lý thuyết xác suất
2	Nguyễn Phúc Sơn	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
3	Lê Anh Vũ	Tiến sĩ	Hình học - Tô Pô
4	Phạm Văn Chững	Tiến sĩ	Toán học
5	Nguyễn Hồng Nga	Tiến sĩ	Kinh tế
6	Nguyễn Chí Hải	Tiến sĩ	Kinh tế
7	Trần Văn Đức	Tiến sĩ	Kinh tế đối ngoại
8	Nguyễn Thị Lan Anh	Tiến sĩ	Kế toán
9	Phạm Thế Tri	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
10	Nguyễn Anh Phong	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
11	Hồ Trung Thành	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin
12	Lê Hoành Sử	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin
13	Lê Thanh Hoa	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
14	Nguyễn Đình Uông	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
15	Võ Thị Lệ Uyển	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
16	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Luật Kinh Tế
17	Hoàng Thọ Phú	Thạc sĩ	Tài Chính ngân hàng
18	Đỗ Đức Khả	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
19	Mai Thu Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
20	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Luật Kinh tế
21	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Kinh tế học
22	Nguyễn Thị Bình Minh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
23	Nguyễn Duy Nhất	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
24	Nguyễn Thanh Huyền	Thạc sĩ	Kinh tế

6.2. Đội ngũ cố vấn học tập

STT	Họ và tên	Ngành chuyên ngành	Vị trí công tác
1	TS. Phạm Hoàng Uyên	Xác suất, Thống kê	Trưởng Khoa Toán Kinh tế
2	TS. Nguyễn Phúc Sơn	Toán ứng dụng	Phó trưởng Khoa Toán kinh tế
3	PGS. TS Lê Anh Vũ	Hình học - Tô Pô	Giảng viên Khoa Toán kinh tế
4	TS. Phạm Văn Chững	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế
5	TS. Lê Thị Thanh An	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế
6	TS. Hà Văn Hiếu	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế
7	TS. Lê Thanh Hoa	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế
8	ThS. Nguyễn Đình Uông	Thống kê	Giảng viên Khoa Toán kinh tế
9	ThS. Võ Thị Lệ Uyển	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế

6.3. Đội ngũ trợ giảng

STT	Họ và tên	Ngành chuyên ngành	Vị trí công tác	Học phần đảm nhiệm

1	TS. Lê Thanh Hoa	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế	Kinh tế lượng Thống kê Bayes Mô hình định giá tài sản
2	ThS. Nguyễn Đình Uông	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế	Thống kê ứng dụng Toán tài chính Phân tích cuỗi thời gian trong tài chính Toán tài chính nâng cao
3	ThS. Võ Thị Lệ Uyển	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế	Lý thuyết xác suất Dự báo kinh tế
4	ThS. Lê Hồng Diễn	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế	Vân trù học Kinh tế lượng
5	ThS. Nguyễn Vũ Thanh	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế	Toán kinh tế Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng
6	ThS. Trương Quang Nhật	Toán ứng dụng	Giảng viên Khoa Toán kinh tế	Toán cao cấp Data visualization Lập trình thống kê Phương pháp tối ưu trong học máy

6.4. Đội ngũ cán bộ quản lý chương trình Chất lượng cao

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Vị trí công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Dũng	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Hiệu trưởng	Ban chỉ đạo
2	Lê Tuấn Lộc	Tiến sĩ	Phó hiệu trưởng	Ban chỉ đạo Ban điều hành
3	Hoàng Công Gia Khánh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Phó hiệu trưởng	Ban chỉ đạo
4	Nguyễn Thanh Trọng	Tiến sĩ	Trưởng phòng Đào tạo	Ban điều hành
5	Nguyễn Chí Hải	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Trưởng khoa Kinh tế	Ban điều hành

6	Huỳnh Thị Thúy Giang	Tiến sĩ	Trưởng khoa Kinh tế đối ngoại	Ban điều hành
7	Nguyễn Anh Phong	Tiến sĩ	Q. Trưởng khoa TC-NH	Ban điều hành
8	Nguyễn Thị Lan Anh	Tiến sĩ	Trưởng khoa KT-KT	Ban điều hành
9	Huỳnh Thanh Tú	Tiến sĩ	Trưởng khoa QTKD	Ban điều hành
10	Hồ Trung Thành	Tiến sĩ	Trưởng khoa PT K.HTTT	Ban điều hành
11	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Trưởng khoa Luật	Ban điều hành
12	Dương Anh Sơn	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Trưởng khoa Luật kinh tế	Ban điều hành
13	Nguyễn Đình Hưng	Thạc sĩ	Trưởng phòng KH-TC	Ban điều hành
14	Hà Thanh Minh	Thạc sĩ	Trưởng phòng TC-HC	Ban điều hành
15	Trần Thanh Long	Tiến sĩ	Trưởng phòng CSVC	Ban điều hành
16	Lê Bích Thủy	Thạc sĩ	Trưởng phòng QHĐN	Ban điều hành
17	Võ Văn Trọng	Thạc sĩ	Trưởng phòng CTSV	Ban điều hành
18	Trần Thị Hồng Xiêm	Thạc sĩ	Giám đốc thư viện	Ban điều hành
19	Cù Xuân Tiến	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng đào tạo	Ban điều hành Ban thư ký
20	Nguyễn Minh Trí	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng KT&ĐBCL	Ban điều hành
21	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Phó trưởng phòngQuản lý khoa học	Ban điều hành
22	Nguyễn Duy Hiệp	Thạc sĩ	Giám đốc TT QHDN	Ban điều hành
23	Thái Phạm Phương Thùy	Thạc sĩ	Chuyên viên phòng đào tạo	Ban thư ký

24	Phạm Thị Thu Hòa	Thạc sĩ	Chuyên viên phòng đào tạo	Ban thư ký
25	Phạm Văn Thao	Cử nhân	Chuyên viên phòng KH-TC	Ban thư ký
26	Đinh Thị Hương Thảo	Cử nhân	Chuyên viên phòng KT&ĐBCL	Ban thư ký

7. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

7.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Đại học Kinh tế - Luật với tổng diện tích đất là 17,12 ha, với tổng diện tích đất sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 30,323 m^2. Để phục vụ đào tạo Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Bảng thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	**Tên**	**Các trang thiết bị chính** *(ghi rõ số lượng)*	
1	Phòng thực hành ngoại ngữ	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04
		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm Lab ngoại ngữ và giáo trình tích hợp Sanako	02
2	Phòng thực hành tin học	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04

		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm tin học	04
3	Phòng BI Lab	Máy tính	51
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	03
		Bàn	45
		Ghế	45
		Micro	02
		Tai nghe có Micro	55
		Máy in	01
		Máy scan	01
		Thiết bị chuyển mạch cho máy tính	02
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Phần mềm SAP Business One	01
4	Phòng thực hành luật	Bàn thẩm phán	03
		Ghế thẩm phán	06
		Bàn	20
		Ghế ngồi	80
	Phòng mô phỏng thị trường tài chính	Máy tính	40
		Máy chiếu	03
		Màn chiếu	01
		Máy lạnh	02
		Bàn	45
		Ghế	45
		Headphone	45
		Phần mềm Thomson Reuters	01

		Phần mềm Rotman Intetactive Trader (RIT)	01
		Phần mềm xử lý dữ liệu tài chính Matlab 2015a	01
		Phần mềm kinh tế lượng Eviews	05
		Phần mềm ước lượng các mô hình tài chính Stata	01
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Tivi	01

Bảng thống kê phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	15
2	Phòng học từ 100-200 chỗ	30
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	45
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	17
5	Số phòng học đa phương tiện	6

Để phục vụ cho công tác giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đã tiến hành tiến hành đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

Số phòng học phục vụ cho chương trình chất lượng cao là 42 phòng với tổng diện tích 2.760 m^2 sàn được bố trí tối thiểu 40 ghế/phòng cho các lớp chất lượng cao. Các phòng học và không gian học tập này được trang bị máy lạnh, máy chiếu có độ nét cao, bảng từ, Flipchart, hệ thống âm thanh chuẩn cho giảng dạy. Bên cạnh đó, sinh viên của Chương trình chất lượng cao được ưu tiên sử dụng phòng máy tính, các phòng thực hành mô phỏng về tài chính-kinh doanh-tin học, phòng thảo luận và được trang bị phòng tự học. Trường cũng đã tiến hành đầu tư và dự kiến đưa vào sử dụng phòng Multimedia với máy móc thiết bị hiện đại đồng bộ phục vụ cho chương trình chất lượng cao và đề án giáo dục 4.0 với tổng kinh phí khoảng 2 tỷ.

Hệ thống thư viện: hệ thống thư viện khoảng 120 chỗ ở phòng học Hoa Sen và thư viện lầu 2 với tổng diện tích 740 m2 sàn; Với số lượng tài liệu lớn và thường xuyên được cập

nhật, bổ sung theo yêu cầu của giảng viên nhằm đảm bảo mỗi môn học đều có ít nhất là 1 giáo trình và 5 tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, các loại sách, báo, tạp chí cần thiết đều được đặt mua định kỳ. Sinh viên chương trình chất lượng cao được cấp miễn phí tất cả các giáo trình và tài liệu tham khảo do Trường đại học Kinh tế - Luật xuất bản, được mượn sử dụng tất cả các giáo trình khác trong suốt quá trình học môn học của chương trình đào tạo; Trường cũng bố trí máy scan, máy in phục vụ cho việc sao chép tài liệu học tập của sinh viên.

Trang bị hỗ trợ: Thiết bị phục phục vụ cho thực hành, thực tập của chất lượng cao gồm 02 phòng lab ngoại ngữ gồm 96 máy tính, tai nghe và phần mềm ngoại ngữ tích hợp giáo trình Sanako của Phần Lan đi kèm; dự kiến đưa vào 01 phòng thực hành ngoại ngữ nhằm hỗ trợ sinh viên các chương trình chất lượng cao nâng cao trình độ ngoại ngữ; Phòng mô phỏng thị trường tài chính với dữ liệu nghiên cứu lấy từ Thomson Reuter và các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu tài chính khác như Rotman, Eview, Stata, Matlab; 02 phòng thực hành máy tính với 96 máy tính và 01 phòng thực hành công nghệ thông tin (mô phỏng hoạt động doanh nghiệp) sử dụng phần mềm SAP khoảng 5 tỷ đồng; Trường đã đầu tư hoàn thiện toàn bộ Wifi miễn phí với đường truyền Fiber, …cùng các trang thiết bị phần cứng như máy chủ, hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu,… Sinh viên của Chương trình chất lượng cao cũng được hỗ trợ chỗ ở trong ký túc xá của ĐHQG-HCM.

Đặc biệt tháng 7 năm 2019 vừa qua, nhà Trường khánh thành và đưa vào sử dụng không gian khởi nghiệp và ngoại ngữ "UEL Starup & Language Space" với diện tích sàn 500 m^2, nội thất được đầu tư hiện đại, đây là nơi dành cho các bạn sinh viên có đam mê khởi nghiệp sáng tạo và tìm kiếm không gian để rèn luyện tiếng Anh.

Dự kiến trong tháng 9 năm 2020, Nhà trường sẽ nghiệm thu và đưa vào sử dụng tòa nhà Khối văn phòng khoa KTL.B2 với tổng diện tích sàn 4.032 m^2 , trong đó sẽ dành ra khoảng 1.728 m^2 phục vụ cho hoạt động của Thư viện, khu tự học, nghiên cứu của sinh viên được đầu tư hiện đại đồng bộ với đầy đủ bàn ghế, máy móc, thiết bị cho sinh viên.

Tóm lại, hiện nay cơ sở vật chất nhà trường không những đảm bảo không gian học tập, sinh hoạt, tài liệu học tập của sinh viên mà còn có nhiều trang thiết bị hỗ trợ cho việc tự học tập, rèn luyện kỹ năng và nghiên cứu khoa học. Đồng thời nhà trường không ngừng cải tiến không gian, mở rộng số lượng phòng học phục vụ cho chương trình.

7.2. Thư viện

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại nhà điều hành và học tập của Trường (lầu 2 và lầu 8) và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

- Tổng diện tích thư viện: 940 m^2 trong đó diện tích phòng đọc: 466 m^2

- Số chỗ ngồi: 550

- Số lượng máy tính có kết nối internet: 30 (19 máy cho SV tra cứu, 11 máy cho cán bộ thư viện).

- 02 máy Scan, 01 máy photocopy phục vụ miễn phí cho sinh viên in ấn tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.

- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph

Số lượng sách, giáo trình điện tử:

+ Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: có thư viện điện tử, đã kết nối với các CSDL điện tử của hệ thống thành viên ĐHQG TP.HCM. Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 Ebook.

+ Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILO, link: https://aunilosec.blog/).

+ Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực), đã kết nối được với 18 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, ScienceDirect, Springer, JL, MathSciNet, OECD, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, IOP science, IGPublishing, IEEE, MIT OCW, Nature, EEWOWW, GALE Cengage Learning, Access Engineering, Access Science); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

❖ Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối internet

1	**Diện tích**	m^2	395
2	**Số đầu sách**	Quyển	926
3	**Số đầu sách về Toán kinh tế**	Quyển	925
4	**Số đầu sách về Hệ thống thông tin quản lý**	Quyển	892

Bảng danh sách giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, Tài liệu TK	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB	Tình trạng
1	Toán cao cấp	Toán cao cấp	Lê Anh Vũ	ĐHQG-HCM	2012	Đã có
2	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật.	Trường ĐH Luật Hà Nội,		2008	Đã có
3	Ngoại ngữ không chuyên (01)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall,N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
4	Địa lý kinh tế	Địa lý kinh tế Việt Nam	Văn Thái	Thống kê	2003	Đã có
5	Xã hội học	Nhập môn xã hội học	Trần Thị Kim Xuyến (chủ biên)	ĐHQG TPHCM	2005	Đã có
6	Văn hóa học	Giáo trình Văn hóa học	Nguyễn Thị Thường	ĐH Sư Phạm Tp.HCM		Đã có
7	Lý thuyết xác suất	Giáo trình Lý thuyết xác suất	Phạm Hoàng Uyên	ĐHQG-HCM	2014	Đã có
8	Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD&ĐT			Đã có
9	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	Văn hóa - Thông tin	2005	Đã có
10	Kế toán đại cương	Kế toán đại cương: Nguyên lý kế toán	La Xuân Đào	ĐHQG-HCM		Đã có

11	Ngoại ngữ không chuyên (02)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall,N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
12	Quan hệ quốc tế	Bài giảng Nhập môn Quan hệ quốc tế	Hoàng Khắc Nam	ĐHKHXH& NV, Hà Nội	2006	Đã có
13	Địa chính trị trên thế giới	Bài giảng Địa chính trị trên thế giới	Trần Nam Tiến			Đã có
14	Nguyên lý thị trường tài chính	Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lê Văn Tề, Nguyễn Văn Hà	Tài chính	2005	Đã có
15	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	Thống kê	2004	Đã có
16	Thống kê ứng dụng	Thống kê ứng dụng	Phạm Văn Chững	ĐHQG-HCM	2016	Đã có
17	Quản trị học căn bản	Quản trị học	Phạm Thế Tri	ĐHQG-HCM	2005	Đã có
18	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	BGD&ĐT			Đã có
19	Ngoại ngữ không chuyên (03)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall,N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cành	ĐHQG-HCM	2007	Đã có
21	Địa chính trị thế giới	Bài giảng Địa- chính trị thế giới.	TS. Trần Nam Tiến			Đã có
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Tiến Dũng, Vũ Văn Nghinh	Thế giới	2004	Đã có

23	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu	Thống kê	2005	Đã có
24	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật	ĐHQG-HCM	2007	Đã có
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD&ĐT			Đã có
26						
27	Ngoại ngữ chuyên ngành (04)	Intelligent Business – Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
28	Luật doanh nghiệp	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003	Đã có
29	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Diễm Châu chủ biên;	Thống kê	2003	Đã có
30	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế - Môi trường và hoạt động	John D. Daniesl, Lee H.Radebaugh ; Trương Công Minh, Trần Tuấn Thạc, Trần Thị Tường Như dịch	Tài chính	2004	Đã có
31	Toán kinh tế	Mathematical Economics	Alpha C.Chiang, Kevin Wainwright		2005	Đã có
32	Dự báo kinh tế	Giáo trình dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy	Thống Kê	2009	Đã có
33	Kinh tế lượng nâng cao	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong		2006	Đã có
34	Toán tài chính	Cơ sở Toán tài chính	Trần Trọng Nguyên	Khoa học và Kĩ thuật	2010	Đã có
35	Quản trị tài chính	Brigham và Houston	*Quản trị tài chính* – Bản dịch tiếng Việt	Cengage	2009	Đã có
	Thị trường	Giáo trình Thị	Khoa Tài	ĐHQG	2014	Đã có

36	tài chính	trường chứng khoán: Mô hình hoạt động và cơ chế vận hành	Chính Ngân Hàng	Tp.HCM		
37	Tài chính quốc tế	International Corporate Finance	Jeff Madura	Cengage Learning	2010	Đã có
38	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Manager Fifth Edition	Philippe Jorion	John Wiley&Son Inc	2010	Chưa có
39	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	Hoàng Vĩnh Long	ĐHQG TP. HCM	2015	Đã có
40	Thống kê Bayes	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al		2014	Chưa có
41	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Nguyễn Quang Dong		2010	Đã có
42	Phân tích dữ liệu web	Web Analytics: An Hour a Day	Avinash Kaushik	Wiley Publishing	2007	Chưa có
43	Quá trình ngẫu nhiên	Quá trình ngẫu nhiên	Đặng Hùng Thắng	ĐHQG Hà Nội	2006	Đã có
44	Định giá tài sản	Mô hình định giá và phân tích tài sản	Hoàng Đình Tuấn		2010	Đã có
45	Thống kê Bayes nâng cao	Bayesian Methods: A Social and Behavioral Sciences Approach	Gill, J		2014	Chưa có
46	Phân tích số liệu mảng	Kinh tế lượng	Vũ Thiếu, Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Khắc Minh	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	2001	Đã có
47	Phân tích dữ liệu Bayes	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al		2014	Chưa có
48	Giới thiệu về học máy	An Introduction to Statistical Learning: with Applications in R	Trevor Hastie et al		2017	Chưa có
49	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất	ĐHQG-HCM	2009	Đã có

Bảng danh sách tạp chí khoa học, sách chuyên khảo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Robustness in Econometrics	Tran, H. D., Nguyen, S. P., Le, H. T., & Pham, U. H. (2017) et al	Springer International Publishing.		Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Lập trình thống kê
2	Tạp chí Đại học Sài Gòn	Phạm Hoàng Uyên, Lý Sel, Lê Thanh Hoa	ĐH Sài Gòn	8(33) 10/2015	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Toán tài chính
3	Revista De La Unión Mathematica Argentina	Lê AnhVũ		1669-9637 (online), 0041-6932 (print)	Cơ sở dữ liệu Toán kinh tế
4	Tạp chí Khoa học trường ĐHSP TPHCM,	Lê Anh Vũ et al	Willey, 2009	Tập 14, Số 9 (2017)	Cơ sở dữ liệu Toán kinh tế
5	Integrated business process with ERP systems	Simha R. Magal and Jeffrey Word	Willey, 2012	ISBN : 978-0-470-46560-8	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Lập trình thống kê

8. Hợp tác quốc tế

Tăng cường liên kết trong nước và quốc tế.

Giữ gìn và phát huy các mỗi quan hệ hiện có với các đơn vị trong và ngoài trường.

Tiếp tục duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong nước và quốc tế: JVN, Viện toán học Việt Nam, Đại học Mahidol-Bangkok, Đại học Dublin City –

Ireland, Khoa Toán-ĐH Toulouse 3-CH Pháp, ĐH Ngân Hàng, ĐH Sư phạm Tp.HCM, ĐH Chiang Mai- Thailand ... .

Tăng cường mời các GS Việt Kiều như GS Nguyễn Trung Hưng,GS Lê Văn Cường, GS Nguyễn Tiến Zũng… giúp đỡ các hoạt động NCKH, seminar của BM.

Bảng chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất liên quan đến ngành đăng kí đào tạo đã và đang triển khai

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	The Digital Consummers	Đại học Dublin City, Ireland	2018		1 bài báo đăng trên tại chí quốc tế
2					
…					

9. Nghiên cứu khoa học

Bảng các đề tài Nghiên cứu khoa học

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Năm bắt đầu	Năm kết thúc	Cấp đề tài
1	Phương pháp tiếp cận Xác suất tới Đa thức Appell và các Ứng dụng	Phạm Văn Chững	2018	2019	ĐHQG loại C
2	Ứng dụng của một số hàm biến dạng trong kinh tế và tài chính	Phạm Hoàng Uyên	2016	2017	ĐHQG loại C
3	Ứng dụng mô hình hồi quy Logistic đa trạng thái nhiều mức để phân tích quyết định di cư cá nhân ở Việt Nam	Lê Thị Thanh An	2018	2019	Cơ sở
4	Ứng dụng của Khoa học dữ liệu vào việc xây dựng thuật toán dự báo và mua bán chứng khoán	Nguyễn Phúc Sơn	2017	2018	Cơ sở
5	Phương pháp mô men tổng quát và ứng dụng trong Kinh tế - Tài chính	Phạm Văn Chững	2017	2018	Cơ sở
6	Sử dụng thống kê BAYES dự báo giá chứng khoán	Lê Thanh Hoa	2016	2017	Cơ sở
7	Đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng doanh nghiệp niêm yết tại	Nguyễn Phúc Sơn	2016	2017	Cơ sở

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Năm bắt đầu	Năm kết thúc	Cấp đề tài
1	Phương pháp tiếp cận Xác suất tới Đa thức Appell và các Ứng dụng	Phạm Văn Chững	2018	2019	ĐHQG loại C
	Việt Nam				
8	Xây dựng bộ dữ liệu cho các môn học Thống kê ứng dụng, Kinh tế lượng và Dự báo kinh tế dựa trên dữ liệu của Trung Tâm Nghiên Cứu Kinh tế và Tài Chính	Phạm Hoàng Uyên	2015	2016	Cơ sở

Bảng Danh sách bài báo trên tạp chí trong và ngoài nước

TT	Năm	Thông tin tạp chí		Tên bài báo	Tên các tác giả	Thuộc lĩnh vực	ISSN
		Tên tạp chí	Vol, No, pp				
I. Bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc Scopus							
1	2020	Journal of the Australian Mathematical Society	Online first	Boundedness of maximal functions on nondoubling parabolic manifolds with ends	Đoàn Hồng Chương	Toán	Tạp chí ISI có IF <1
2	2019	Linear Algebra and its Applications	Volume 578, 1 October 2019, Pages 334-355	Almost-nonsingular Entry Pattern Matrices	Hà Văn Hiếu	Toán	Tạp chí Scopus Q1
	2018	Communications in Statistics - Simulation and Computation	Accepted 13 Aug 2018, Published online: 17 Nov 2018	Improvement on Monte Carlo estimation of HPD intervals	Lê Thanh Hoa	Toán	SCI, expended
	2017	Annals of Biometrics & Biostatistics	Volume 4, Issue 1, 2017.	Statistical Methods of Handling Noise in Data Processing	Lê Thanh Hoa	Toán	Tạp chí quốc tế khác
	2017	Annals of Operations Research	Vol 253, No 334, pp 1, 16	Extraction dependence structure of distorted copulas via a measure of	Phạm Hoàng Uyên	Toán	SCI

				dependence			
	2017	Statistics and Probability Letter		Some properties of bivariate Schur, constant distributions	Phạm Văn Chững	Toán	ISI-SSCI
	2017	Linear Algebra and its Application	Impact Factor for 2017: 0.972	On the Maximal rank of completions of Entry pattern matrices	Hà Văn Hiếu	Toán	Tạp chí ISI có IF <1
	2016	Revista de la Unión Matemática Argentina	Vol. 57, No 2, pp. 119 , 143,	Classification of Real Solvable Lie Algebras Whose Simply Connected Lie Groups Have Only Zero or Maximal Dimensional Coadjoint Orbits	Lê Anh Vũ	Toán	SCI, expended
II. Bài báo trên tạp chí Quốc gia thuộc danh sách học hàm (ghi rõ ISSN)							
1	2016	Tạp chí Khoa Học - ĐHSP HCM	Số 7 (85, 174, 184	Áp dụng mô hình IRT 3 tham số đo đo lường, phân tích độ khó, độ phân biệt, mức độ dự đoán câu hỏi trong đề thi trắc nghiệm khách quan	Thạc sĩ Đoàn Hồng Chương	Toán	Tạp chí trong nước
2	2016	Tạp chí Kinh tế - dự báo	Số 24	Học thuyết của Paul Romer về Chatter city , một số gợi ý cải cách thể chế	Tiến sĩ Lê Hồng Nhật	Kinh tế	Tạp chí trong nước
3	2017	Tạp chí Khoa Học - ĐHSP HCM	Vol. 14, No. 4, pp. 119, 130	Áp dụng lấy mẫu Gibbs trong đo lường, đánh giá độ khó câu hỏi trong mô hình Rasch	Phó giáo sư Tiến sĩ Lê Anh Vũ	Toán	Tạp chí trong nước
4	2017	Tạp chí Khoa Học - Đại học Sài Gòn	Tập 17, số 42, 93, 100	Sử dụng dữ liệu Thomson Reuters trong Giảng dạy các môn học thuộc khối ngành Kinh tế	Tiến sĩ Phạm Hoàng Uyên	Toán	Tạp chí trong nước
5	2017	Tạp chí Kinh tế - dự báo	Số 13	Thẩm Quyến đặc khu kinh tế đầu tiên của Trung Quốc: Gần 40 Năm nhìn lại	Tiến sĩ Lê Hồng Nhật	Kinh tế	Tạp chí trong nước
6	2017	Tạp chí Kinh tế -	Số 2	Tổng thống Trumph , dự báo về chiến	Tiến sĩ Lê Hồng	Kinh tế	Tạp chí trong

		dự báo		tranh thương mại với Trung Quốc	Nhật		nước
7	2017	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ	tập 20, số Q2 – 2017, 144-155, 2017	Chọn mô hình tốt nhất trong Thống kê Bayes mờ và ứng dụng trong phân tích Tài chính	Tiến sĩ Phạm Hoàng Uyên	Toán	ISSN 0,5
8	2017	Tạp chí Phát triển Kinh tế	28(10), tháng 10-2017, 79-120, 2017.	Một phương pháp mới tìm khoảng mật độ hậu nghiệm cao nhất và ứng dụng	Thạc sĩ Lê Thanh Hoa	Toán	ISSN 1
9	2017	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng	số 140, tháng 11 – 2017, 92- 100, 2017	Sử dụng Thống kê Bayes mờ trong dự báo tỷ giá và một số chỉ số kinh tế	Thạc sĩ Lê Thanh Hoa	Toán	ISSN 0,5
10	2018	Tạp chí Tài chính	kỳ 2, tháng 03/2018 (677), 51-54, 2018.	Phân tích giá chứng khoán bằng dạng phương trình vi phân ngẫu nhiên	Thạc sĩ Lê Thanh Hoa	Toán	ISSN 0,5
11	2018	Tạp chí nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu á	Đã chấp nhận đăng	Ước lượng VaR và CVaR dạng hỗn hợp các phân phối xác suất thông qua mô phỏng Monte Carlo và ứng dụng trong phân tích giá chứng khoán Việt Nam	Thạc sĩ Lê Thanh Hoa	Toán	ISSN 1
12	2019	Science & technology development journal - economics - law and management	Vol 3 No 1 2019	On a segmentation of Coopextra customers in Thu Duc district	Thạc sĩ Lê Hồng Diễn	Toán	ISSN 0,5
13	2017	Tạp chí khoa học, đại học sư phạm tp.	14(7)	Using Gibbs Sampler to evaluate item diculty in Rasch	Phó giáo sư Tiến sĩ Lê Anh Vũ	Toán	ISSN 0,75

		hcm		model			
14	2018	Tạp chí Kinh Tế - Kỹ Thuật, Bình Dương	21(3)	Generalized method of moments and heteroskedas- ticity	Tiến sĩ Phạm Văn Chững	Toán	ISSN 0,25
15	2019	Tạp chí Phát triển KHCN ĐHQG Tp.HCM	0	Bài toán phân nhóm khách hàng mua săm tại siêu thị coop Xtra thủ đức	Thạc sĩ Lê Hồng Diễn	Toán	ISSN 0,5
16	2020	Tạp chí Tài chính	Kỳ 2, tháng 03 / 2020	Ứng dụng hàm sống sót trong ước lượng rủi ro phá sản của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Thạc sĩ Lê Thanh Hoa	Toán	ISSN 0,5
17	2020	Tạp chí Tài chính	Kỳ 1, tháng 03 / 2020	Ứng dụng phân tích chỉ số kinh tế vĩ mô thông qua mô hình GARCH và dữ liệu bảng	Thạc sĩ Võ Thị Lệ Uyển	Toán	ISSN 0,5

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2020 -2021.

11. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội. Dự kiến vào năm 2025 chương trình sẽ tham gia vào kiểm định cấp chương trình trong nước và khu vực.

TRƯỞNG KHOA	HIỆU TRƯỞNG
TS. PHẠM HOÀNG UYÊN	PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT